TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 4 - 2018
"V/v Ly hôn giữa chị L và anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Kim Linh
2. Bà Võ Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thu L, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi cư trú: số 286 Trần Phú tổ 06, khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu N; sinh năm 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ 02 khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/11/2017, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu L và anh Nguyễn Hữu N đi đến hôn nhân vào năm 1997 hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Châu (nay là phường Long Thạnh), thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên tham gia những tệ nạn xã hội, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ

chồng không còn sống chung từ năm 2007 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/03/1997 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Phan Thị Thu L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Thu L và anh Nguyễn Hữu N tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, ly hôn của chị L anh N. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật nhưng anh N vắng mặt không lý do, theo các biên bản xác minh thì đại diện chính quyền địa phương và gia đình anh N cung cấp thông tin về tình trạng nơi cư trú của anh N hiện nay đi làm thuê và anh N thỉnh thoảng có về địa phương cư trú. Do anh N vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Hữu N.

Phát biểu của Kiểm sát viên về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71; 72; và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh N.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân của chị Phan Thị Thu L và anh Nguyễn Hữu N đi đến hôn nhân vào năm 1997 hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Châu (nay là phường Long Thạnh), thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2007 cho đến nay. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật xem xét bảo vệ.

Xét thấy, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải và hàn gắn, nhưng anh Nguyễn Hữu N vắng mặt không lý do, tại phiên tòa chị L vẫn yêu cầu được ly hôn với anh N, với những mâu thuẫn nêu trên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX nhận thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/03/1997 (đã trưởng thành), nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Về án phí: chị Phan Thị Thu L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 56; 57; 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu L được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/03/1997 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí: chị Phan Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001456 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

Trần Ngọc Diệu